

DIỄN ĐÀN

BAN BIÊN TẬP

Võ Văn Hòe

Nguyễn Thuận

Trần Hồng

Văn Thu Bích

Nguyễn Hoàng Thân

Võ Văn Hoàng

Đình Thị Hựu

- VÕ VĂN HÒE: Nhìn lại một chặng đường

- VÕ VĂN HOÀNG: Tín ngưỡng thờ môn thần
của người Hoa ở Hội An

- CỬ SỰ: Gia tộc

- TRẦN ĐÌNH SANH: Về sự kế thừa trong văn hóa
nghệ thuật.

- VÕ VĂN BA: Sông Hàn thưở ấy

- TẦN HOÀI DẠ VŨ: Văn hóa biển trong tâm thức
hội nhập của người xứ Quảng

- NGUYỄN HOÀNG THÂN: Tản mạn văn hóa
ẩm thực Đất Quảng qua thư tịch xưa

- VÕ VĂN HÒE: Giao thoa văn hóa Việt - Chăm
nhìn từ thơ ca dân gian

- VŨ XUÂN TRIỆU: Một số biện pháp nâng cao
hiệu quả hoạt động đưa văn hóa dân gian
vào trường học

- ĐÌNH THỊ TRANG: Tín ngưỡng thờ cúng cây cối
Của cư dân Đà Nẵng

- HOÀI NHÂN: Thành ngữ “Lá lành đùm lá rách”...

- VĂN THU BÍCH: Công chiêng Tây nguyên –
Tây Trường sơn trong xu thế hội nhập

ĐỊA CHỈ

VĂN HÓA-VĂN NGHỆ

98, Lê Lợi, Đà Nẵng

- NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG: tà áo dài Việt Nam

- THANH MINH: Những nỗi cơ cực của người dân
nghèo vì xấu thúi

Tel: 0905.455132

- TRẦN HỒNG: Câu đối Tết

Email: camle01@gmail.com

- TRẦN HỒNG: Tình quê quán quýt trâu cau

- NGÔ VĂN BAN: Võ câu... trong Truyện Kiều

In tại Công ty In và dịch
ngày xưa
Vụ Quảng Nam, 260 Hùng
Tết
Vương, Tam Kỳ. Giấy
Phép số...

- ĐINH THỊ HỮU: Hát xạo trong hò khoan xứ Quảng
- TRỊNH TUẤN KHANH: Nghe ông kể chuyện
- NGUYỄN ĐĂNG KIẾN: Tục thờ bánh chưng ngày
- PHẠM HỮU ĐĂNG ĐẠT: Nói lái ở Quảng Nam
- HỒ TẤN TUẤN: Chuyện về miếu Hàm Trung
ở làng Xuân Thiều
- TRƯƠNG ĐÌNH QUANG: -Đàn môi hay kèn môi
-Hò giựt chì hay hò dứt chỉ
- PLLV: Mấy câu đối
- NGUYỄN NHO KHIÊM: Phong tục sinh đẻ qua bộ
tranh dân gian của Henry Oger

THÔNG TIN – TƯ LIỆU

- VŨ HÙNG: Một lần đến quê hương cụ Bàn Tỏ
- HUỲNH VIẾT TỰ: Cầu Rồng từ một góc nhìn
- VÕ KHOA CHÂU: Hoài niệm đêm nấu bánh tét
- VÕ KHOA CHÂU: Nem chua lá liểu
- MAI HỮU PHƯỚC: Năm Ngọ nói chuyện ngựa
- NGÔ VĂN BAN: Món Ngựa năm Ngọ
- NGUYỄN THỊ PHÁP: Cá Ông
- NGUYỄN THỊ PHÁP: Con cá bã trầu
- LÊ QUỐC KỶ: Lợn vàng om với quả sung
- NGUYỄN HỮU CẢNH: Canh cá trầu bông bí

DIỄN ĐÀN

Võ văn Hòe

Nhìn lại một chặng đường

Mới đó mà đã 5 năm trôi qua của nhiệm kỳ II (2007-2013), trong 5 năm ấy, toàn thể hội viên đã không ngừng phát huy năng lực chuyên môn nghiệp vụ vì sự yêu thích vốn văn hóa văn nghệ dân gian cổ truyền của người dân *xứ Quảng*.

Trong 5 năm, Hội đón nhận không ít khó khăn và thuận lợi. 5 năm quả là ngắn ngủi với một quá trình hình thành và phát triển của nền văn hóa văn nghệ dân gian Quảng Nam, Đà Nẵng. Trong suốt chặng đường phát triển của mình, Hội luôn thể hiện chức năng, nhiệm vụ đầy tinh thần nhân văn cao cả được nêu thành tôn chỉ, mục đích của Hội ghi trong Điều lệ Hội là *suu tầm, nghiên cứu, giữ gìn, phát huy, phát triển, truyền dạy và quảng bá vốn văn hóa văn nghệ dân gian*

Đà Nẵng đến với các tầng lớp nhân dân. Thực hiện tôn chỉ của một gia tài mà nếu tinh táo ngắm nhìn ta sẽ thấy nhiều mảng màu đa dạng, phong phú, hàm chứa nhiều cái đẹp, cái cao thượng, cái bi hài của người xứ Quảng mà Hội chưa thể nào khai thác hết được.

Đội ngũ hội viên, 5 năm của nhiệm kỳ đã khai thác vốn văn hóa truyền thống địa phương mà cha ông người Quảng để lại có hơn 600 năm lịch sử, việc làm được nhìn lại vẫn chưa nhiều. Như cây non mới lớn, có thuận lợi về tư tưởng tình cảm do được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo thành phố đối với loại hình văn học dân gian này, nên Hội đã phát huy chức năng của mình bám sâu vào lòng đất, cành nhánh nay đã sum suê đang đơm hoa và kết trái. Nhiều hội viên đã từng trải trong quá trình nghiên cứu vốn văn hóa dân gian quê nhà, vươn lên khẳng định và giữ lấy chỗ đứng của mình đều đã có công trình sưu tầm, nghiên cứu nhằm quảng bá vốn văn hóa văn nghệ dân gian đất Quảng và không chỉ có thế mà còn mở rộng phạm vi ghi chép sưu tầm trong không gian văn hóa dân gian miền Trung. Hiện nay, Hội và mỗi hội viên đang trong tiến trình vươn lên để có những mảng màu tươi sáng hơn, đẹp hơn như bản thân vốn có của văn hóa văn nghệ dân gian vùng đất *chưa mưa đà thấm*.

Tất cả thành viên của Hội mong muốn phải làm sống lại những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của địa phương Đà Nẵng, để khẳng định rằng nơi đây là *địa linh nhân kiệt*. Đất linh thiêng nên đất sinh ra con người đầy bản lĩnh không chỉ trong xây dựng mà còn thể hiện trong chiến đấu giữ đất, giữ làng; là nhân kiệt nên con người Đà Nẵng đã vượt qua những thử thách tạo nên những kỳ tích trong hai cuộc kháng

chiến giữ nước và hiện nay tập trung ý chí và nghị lực xây dựng một thành phố văn minh hiện đại, giàu đẹp và thân thiện. Tiền nhân đã ra công khai phá tài bồi, nay Hội ra sức khai thác vốn quý, có trong nhân gian, đặt đúng vị trí của dân gian, làm cho những người yêu thích vốn văn học quý giá này biết rằng, đất Quảng không chỉ là nơi đầu sóng ngọn gió đánh Pháp đầu tiên và đánh Mỹ đầu tiên mà còn là nơi có một gia tài văn học dân gian đồ sộ, phong phú, đa dạng đang trong quá trình khai thác, phát huy, góp một phần vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Ngay đầu nhiệm kỳ II (2007-2013), Hội đã triển khai thực hiện phương hướng, nhiệm vụ do Đại hội lần thứ II đề ra, trước hết đối với tập thể Hội có các thành quả:

- Hội đã tiếp tục thực hiện ba đề tài trong Tổng tập văn hóa văn nghệ dân gian đất Quảng: *Tập tục lễ hội*, *Nghề và làng nghề truyền thống và Âm thực đất Quảng*. Liên sau đó xuất bản *Văn hóa dân gian Quảng Nam – Đà Nẵng*, tác giả tác phẩm phục vụ nhu cầu tìm hiểu tri thức văn hóa dân gian địa phương của bạn đọc trong và ngoài thành phố. Nhân kỷ niệm 35 năm ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng, Hội đã kịp thời tập hợp bài vở xuất bản tập *Văn hóa dân gian Đà Nẵng- cổ truyền và đương đại* góp phần kỷ niệm ngày lịch sử trọng đại của thành phố; đồng thời qua tác phẩm, tạo nên không khí sinh hoạt chuyên môn, nâng cao năng lực sưu tầm nghiên cứu của hội viên. Đặc biệt trong 5 năm qua, bằng sự nỗ lực của Hội nhằm quảng bá vốn văn hóa văn nghệ dân gian địa phương, đã thực hiện 6 ấn phẩm *Văn hóa văn nghệ dân gian Đà Nẵng*, tạo diễn đàn (tuy một năm được một lần) cho Hội viên trao đổi chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời có

cơ sở để giao lưu với các hội bạn trên khắp mọi miền đất nước.

Trên là những thành quả Hội đạt được, còn về phía hội viên có 21/40 hội viên (trong đó 2 hội viên hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực phim ảnh) đã tạo nên diện mạo sinh hoạt Hội và khẳng định chất lượng của Hội ngày càng được nâng cao. Có thể kể đến các công trình, tác phẩm:

- Về tác phẩm phim văn nghệ dân gian, có: Phóng sự *Hành trình theo chân Bác* (Đặng Quốc Phồn); *Hoạt động của Hội văn nghệ dân gian Đà Nẵng* (Trịnh Tuấn Khanh, Thiện Tâm, Đặng Dạm); Phim nghệ thuật: *Giai điệu miền Trung* (Trần Hồng, Thiện Tâm, Trịnh Tuấn Khanh); Các phim chân dung của các nhà nghiên cứu: *Trần Hồng* (Trung tâm THVN tại ĐN và Trịnh Tuấn Khanh); *Võ Văn Hòe* (VFS, Truyền hình HTV TP. HCM và Thu Trang), *Trương Đình Quang* (Trung tâm THVN tại ĐN) và một số phim phản ánh các loại hình lễ hội trên địa bàn trong và ngoài thành phố: *Lễ hội Ka tê Ninh Thuận* (Trịnh Tuấn Khanh, Nguyễn Thiện Tâm, Đặng Dạm, Đỗ Vinh); *Lễ hội Phong Lệ mục đồng* (Nguyễn Thiện Tâm); và phim miêu tả các hoạt động văn hóa: *Hát sắc bùa* (Trung tâm THVN tại ĐN); *Người Ve nơi đại ngàn* (Trịnh Tuấn Khanh, Đỗ Vinh); *Nét đẹp dân gian Chăm* (Trịnh Tuấn Khanh, Nguyễn Thanh Minh); *Nghệ nhân dân gian – báu vật văn hóa sống* (Trịnh Tuấn Khanh); *Hương sắc bản làng* (Trịnh Tuấn Khanh),... tất cả đã thể hiện sinh động sự cố gắng của các hội viên trong sưu tầm, nghiên cứu phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân.

- Về tác phẩm sách văn nghệ dân gian thể hiện các đề tài nghiên cứu sưu tầm, ghi chép văn hóa văn nghệ dân gian Đà Nẵng, có: *Văn hóa dân gian Hòa Vang* (Võ Văn Hòe); *Địa danh thành phố Đà Nẵng* (Võ Văn Hòe); *Văn hóa xứ Quảng Một góc nhìn* (Luu Anh Rô-viết chung); *Tiếng địa phương trong ca dao, dân ca đất Quảng* (Đình Thị Hựu); *Hò khoan xứ Quảng* (Đình Thị Hựu); *Đình Đà Nẵng* (Hồ Tấn Tuấn); *Âm nhạc Chăm – những giá trị đặc trưng* (Văn Thu Bích); *Dân gian bia miệng lưu truyền* (Lê Hoàng Vinh); *Quanh lũy tre làng* (Lê Hoàng Vinh chung với Lê Anh Dũng); *Sắc bùa xứ Quảng* (Phạm Hữu Bốn); *Chuyện kể dân gian xứ Quảng* (Phạm Hữu Bốn); *Lễ hội – văn hóa dân gian đất Quảng* (Lê Duy Anh); *Hò đưa linh* (Trần Hồng); *Âm nhạc dân tộc Chăm – sự giao thoa giữa nhạc Cham và nhạc Việt* (Trần Hồng); *Ca nhạc kịch bài chòi* (Trương Đình Quang); *Bài chòi xứ Quảng* (Trương Đình Quang, chung với Đình Thị Hựu); *Một số nghề, làng nghề truyền thống và văn hóa ẩm thực vùng đất Khánh Hòa* (Ngô Văn Ban); *Chân dung con người qua cái nhìn Việt Nam* (Ngô Văn Ban); *Hòn quê xứ Vạn* (Võ Khoa Châu); *Vạn Ninh- đất và người* (Võ Khoa Châu); *Câu đối dân gian và câu đối Hán-Nôm* (Phan Thế Tập); *Trong vườn văn học dân gian* (Phan Thị Miêu); *Bảo tồn và phát huy lễ hội của người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh* (Võ Văn Hoàng); *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam bộ* (Võ Văn Hoàng); *Quanh Lũy tre làng* (Lê Anh Dũng, chung với Lê Hoàng Vinh); *Hát bả trạo hò đưa linh* (Trương Duy Hy, chung với Trương Đình Quang), *Văn hóa Đà Nẵng từ những mảnh ghép* (Chi hội VNDG Trường ĐHSP ĐN, Nguyễn Hoàng Thân chủ biên),... Cùng với các tác phẩm đã xuất bản phục vụ bạn đọc trong nhiệm kỳ II, còn có các đề tài được sự tài trợ của Hội văn nghệ dân

gian Việt Nam: *Văn hóa dân gian Việt – Chăm nhìn trong mối quan hệ* (Võ Văn Hòe Trần Hồng, Hồ Tấn Tuấn) và Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Đà Nẵng: *Về đấu tranh ở Đà Nẵng* (Đinh Thị Hựu),... đã tập trung hình thành nên diện mạo của Hội trong 5 năm qua mà Hội chúng ta có được như hôm nay là rất quan trọng và có ý nghĩa phát triển. Một số công trình tác phẩm đã được đánh giá cao, được Hội VNDG Việt Nam và địa phương tặng giải thưởng.

Ngoài những tác phẩm in thành sách, trong 5 năm qua, hội viên của Hội đã viết nhiều bài báo, nhiều bài tham luận đọc trong các cuộc hội thảo, tọa đàm trong nhiều lĩnh vực văn hóa – lịch sử nhằm tôn vinh, phát huy và phát triển văn hóa địa phương.

Nay, Hội có nhiều tác phẩm ở dạng bản thảo của các hội viên đã được trình bày bằng vi tính kỹ lưỡng nhưng tiếc là chưa công bố được do không có tiền ấn loát: *Ông Tổng trong việc tang trên địa bàn Đà Nẵng* (Hoàng Thị Mai Sa); *Gốm Thanh Hà – Hội An* (Phạm Thị Tú Trinh); *Lấp lánh Vạn Ninh* (Võ Khoa Châu); *Đường về Tiên Phước hôm nay* (Võ Khoa Châu); *Nhà nông Tiên Phước qua câu hát dân gian* (Võ Khoa Châu); *Hái lượm và săn bắt của người dân Khánh Hòa xưa* (Ngô Văn Ban); *Tìm hiểu về một loại hình vè: Vè các lái* (Ngô Văn ban); *Người Quảng Nam, Đà Nẵng cười qua ngôn từ và tục ngữ, ca dao địa phương có từ “cười”* (Ngô Văn Ban); *Về đấu tranh ở Đà Nẵng* (Đinh Thị Hựu); *Bác Hồ trong ca dao, hò vè Đà Nẵng* (Võ Văn Hòe); *Địa danh thành phố Đà Nẵng* (Tập 2 - Võ Văn Hòe); *Văn hóa dân gian Việt – Chăm nhìn trong mối quan hệ* (Võ Văn Hòe, Trần Hồng, Hồ Tấn Tuấn); *Tìm hiểu miếu thờ trên địa*

bàn quận Ngũ Hành Sơn (Đinh Thị Trang); Văn hóa ẩm thực đất Quảng (Võ Khoa Châu),...

5 năm qua, Hội phối hợp với Hội văn nghệ dân gian Việt Nam tổ chức 1 lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng nghiên cứu sưu tầm, ghi chép văn nghệ dân gian cho hơn 100 hội viên và cộng tác viên. Lớp tập huấn do các GS.TSKH Tô Ngọc Thanh, GS.TS Nguyễn Xuân Kính, PGS.TS Trần Xuân Đức, TS Lê Hồng Lý, TS. Trần Hữu Sơn,... báo cáo nhiều chuyên đề thiết thực, giúp cho hội viên hình thành năng lực tư duy nghiên cứu độc lập các vấn đề do văn hóa văn nghệ dân gian đặt ra.

Trong 5 năm qua, rõ ràng Hội văn nghệ dân gian Đà Nẵng đã khắc phục khó khăn, thách thức về sức khỏe, tuổi tác, mặc dầu không có tiền, không có các máy móc, phương tiện hỗ trợ, song vì yêu mến vốn văn học cổ truyền đất Quảng mà mỗi hội viên đều tự lực, phát huy khả năng, tích lũy qua thực tiễn điền dã để ghi chép, nghiên cứu. Các hội viên luôn năng nổ, lặn lội hoạt động trên bề nổi cả bề sâu của quá trình nghiên cứu để khẳng định sự có mặt của mình trên diễn đàn văn nghệ dân gian, vai trò và sự tồn tại rất cần thiết của Hội văn nghệ dân gian thành phố trong khai thác, truyền bá vốn văn hóa văn nghệ dân gian địa phương. Qua các công trình đã công bố, văn hóa văn nghệ dân gian như là chất xúc tác cho văn học đương đại trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa Đà Nẵng và hội nhập quốc tế. Hội đã tác động không nhỏ đến việc tạo nên sự chuyên biến mạnh mẽ trong mỗi hội viên liên quan đến nghề nghiệp, trong việc hướng dẫn mở rộng phạm vi đề tài nghiên cứu, các công trình được nâng

dần lên có chất lượng hơn, chuyển từ nghiên cứu nghiệp dư sang chuyên nghiệp, có tay nghề.

Những thành quả nêu trên tuy còn mỏng và khiêm tốn, nhưng đó là sự cố gắng của Hội và hội viên trong 5 năm qua của nhiệm kỳ II. Hội có sự đoàn kết toàn thể hội viên, hội viên tin tưởng vào sự phát triển bền vững của văn hóa, văn học nghệ thuật thành phố. Hưởng ứng Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị về tiếp tục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tất cả hội viên có lối sống trong sáng, lành mạnh, sống có nhân cách đẹp, luôn vươn lên đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của Hội. Hội và hội viên tiếp tục khẳng định vai trò, chức năng của văn hóa, văn nghệ dân gian đất Quảng xưa nay cùng với văn học đương đại là kho tàng đa dạng, phong phú, mãi mãi được lưu truyền trong nhân dân.

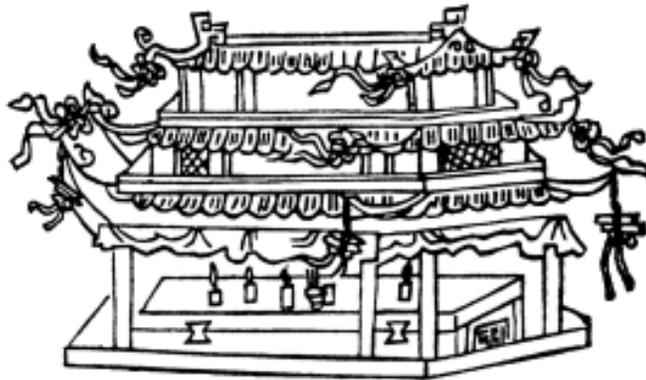
Nhìn lại 5 năm của nhiệm kỳ II để thấy được những thành quả hội viên gặt hái được, để cùng hướng về phía trước với nhiệm kỳ III, phấn đấu xây dựng Hội vững mạnh toàn diện về tư tưởng, nghiên cứu, quảng bá và truyền dạy vốn văn hóa văn nghệ dân gian người Quảng đến với các tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Hội tiếp tục tập hợp đội ngũ, hình thành tập thể vững mạnh về chất lượng và số lượng. Trong chuyên môn nghiệp vụ, cố gắng đưa ra các luận chứng có tính khoa học trong phát triển văn hóa văn nghệ dân gian đất Quảng để thông qua tác phẩm, các đề tài nghiên cứu, đề án của các tác giả, tập thể Hội làm cơ sở cho bước phát triển nghiên cứu chuyên sâu về vai trò của văn hóa văn nghệ dân gian cổ truyền đối với con người Đà Nẵng đương đại như thế

nào! Văn hóa dân gian đã ảnh hưởng thế nào đến đời sống văn học đương đại của Đà Nẵng. Đây là những vấn đề Hội đặt ra cho những năm tiếp sau. Hội và Chi hội văn nghệ dân gian Việt Nam tại Đà Nẵng sẽ tiếp tục đầu tư tinh thần sáng tạo vào các công trình văn hóa, lời ăn tiếng nói, nghệ thuật dân gian, lối sống, tín ngưỡng, lễ hội, văn hóa dân gian,... với nhiều phương pháp và cách tiếp cận khác nhau nhằm làm phong phú tài sản văn hóa văn nghệ dân gian cha ông người Quảng đã để lại cho chúng ta hôm nay. Từ đó có thể chỉ ra được trong thực tiễn tính thống nhất trong đa dạng văn hóa trong cộng đồng dân cư, làm cơ sở cho giao lưu văn hóa trong và ngoài nước.

Những vấn đề trình bày trên đây chưa đủ nói lên tất cả những đóng góp của hội viên đã khai thác, quảng bá vốn văn hóa văn nghệ dân gian của cha ông để lại dưới nhiều cách tiếp cận và phương thức thể hiện khác nhau. Có thể bằng phim ảnh, bằng sách báo hoặc bằng ghi âm lưu trữ, tất cả họ - hội viên - đã thực hiện trong nhiệm kỳ II với tinh thần đầy tâm huyết và sáng tạo.

Hơn 600 năm qua, tại vùng đất *chưa mưa đà thấm* này, cha ông người Quảng đã để lại một gia tài văn hóa văn nghệ dân gian rất phong phú, đa dạng, phản ánh nhiều mặt của cuộc sống thường ngày. Tuy nhiên, hội viên của Hội văn nghệ dân gian Đà Nẵng chưa tài nào khai thác hết. Như tảng băng trôi trong nhân dân, cả bề nổi lẫn mặt chìm, thời gian quay gót trôi đi không lui lại được, những người cao tuổi am hiểu vốn văn hóa văn nghệ dân gian đã dần mai một, ra đi mang cả vốn quý đi cùng, thì lúc ấy Hội ta mất đi cơ sở để sưu tầm nghiên cứu, phát huy, phát triển. Do vậy, Hội văn

nghệ dân gian thành phố Đà Nẵng tha thiết kêu gọi những ai quan tâm đến lĩnh vực chuyên ngành dân gian lý thú này hoặc là chúng ta giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hóa dân gian được ít nhiều, hoặc là chúng ta để vốn ấy trôi đi trong hồi tiếc ?



Nhà táng

Võ Văn Hoàng
Nguyễn Thái Hòa

Tín ngưỡng thờ môn thần của người Hoa ở Hội An

Võ Văn Hoàng
Nguyễn Thái Hòa

1. Nguồn gốc của tín ngưỡng thờ Môn thần

Theo các học giả Trung Quốc, khởi nguyên của tín ngưỡng thờ Môn thần bắt nguồn từ quan niệm sùng bái tự nhiên và quan niệm tín ngưỡng thần linh của con người thời kỳ nguyên thủy. Vào thời kỳ này, con người chủ yếu cư ngụ trong các hang động tự nhiên. Khi xã hội phát triển cao hơn, họ mới dần dần học được kỹ thuật dựng nên nhà cửa. Từ đây, ngôi nhà và con người có mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời. Bởi ngôi nhà là nơi có thể phòng ngừa được thú hoang và địch hại, cũng là nơi có thể che mưa che gió, cất giữ thực phẩm và tài sản... Cảm kích vì tác dụng to lớn này, mà trong tâm tưởng con người đã hình thành nên một vị thần của ngôi nhà (trong đó có Cửa) để cúng tế nhằm báo đáp ân đức. Đây chính là nguồn gốc đầu tiên của tín ngưỡng thờ Môn thần.

Ngoài ra, nguồn gốc của tín ngưỡng này còn bắt nguồn từ việc sùng bái ma quỷ của thời kỳ cổ đại. Do thời kỳ này, nhận thức của con người về tự nhiên còn nhiều hạn chế, vì vậy mà quan niệm về ma quỷ rất thịnh hành, mỗi khi có hiện tượng tự nhiên là gió, mưa, tuyết, sấm, sét..., họ đều cho là do quỷ thần tạo ra; có côn trùng, rắn, mãnh thú xông đến, họ cũng cho là do quỷ thần phái đến nên rất kính sợ. Mặc dù vào lúc này, con người đã dựng nên nhà cửa,

nhưng họ vẫn cảm thấy sợ hãi, bất an. Bởi ngôi nhà không thể ngăn chặn được những ma quỷ có phép thần thông quảng đại. Do đó, cần phải có một vị thần minh nào đó có khả năng thuần ma phục quỷ, đến và thay gia đình canh phòng đứng gác tất sẽ tốt hơn. Và sự xuất hiện của Môn thần sẽ là vị thần thích hợp hơn cả. Trong *Bạch mao nữ* có câu hát: “*Môn thần, Môn thần cưỡi ngựa hồng, đứng ở cửa bảo hộ gia đình; Môn thần, Môn thần đánh đại đao, quỷ lớn quỷ nhỏ không dám đến*”¹, chính là phản ánh chân thực của tâm lý này. Môn thần giúp con người bớt đi nỗi sợ hãi trước ma quỷ, không những giúp con người ổn định cuộc sống mà còn vững tin vào một tương lai tốt đẹp.

Dưới thời Xuân Thu, Lỗ Ban đã sáng chế ra chiếc vòng cửa hình con ốc, về sau được đổi thành hình của các mảnh thú, đầu quái thú, lắp trên các cánh cửa ra vào nhằm ngụ ý bảo vệ không gian bên trong của ngôi nhà. Qua các đợt khai quật khảo cổ học ở Thiểm Tây (Trung Quốc), các nhà nghiên cứu đã tìm thấy bức phù điêu thời Đông Hán có trang trí đầu quái thú thể hiện thành ba lớp: lớp trên là hình của Chu Tước đang rải cánh bay; lớp giữa là đầu quái thú ngậm chiếc vòng thiếc; còn bên dưới là rồng hổ điêu hoặc mãnh thú tựa hình tê giác. Người ta cho rằng, Chu Tước là loài chim khỏe, đẹp, có thể bắt mãnh thú, hổ, sói, khiến cho tà ma không dám làm hại, nên người ta đem hình ảnh của Chu Tước trong tưởng tượng vẽ lên các cánh cửa cùng với đầu mãnh thú.²

Trước cổng một số đền miếu, cung điện, dinh thự, chùa chiền, nhà ở của người Hoa ở Trung Quốc (cả những khu vực trên thế giới có người Hoa sống tập trung), người ta đặt tượng của hai con lân, hoặc hai sư tử để ngăn chặn, trấn áp tà ma. Trong đó, sư tử được xem là “vua của các loài thú”, nó có xuất xứ từ châu Phi, Ấn Độ, Nam Mỹ... do vua nước Nguyệt Thị - một nước nhỏ ở Tây Vực - đem tiến cống cho Trung Quốc vào thời nhà Hán. Người ta thấy vẻ hùng dũng, uy vũ của sư tử sẽ làm cho ma quỷ phải khiếp sợ, đồng thời nó tượng trưng cho sự may mắn, lòng dũng cảm, và mang lại sức khỏe, sự thịnh vượng cho gia đình, làng xóm; Đặc biệt trong giáo lý của Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo và Đạo

giáo... sư tử được xem là loài thú rất linh thiêng, hình dáng của nó gợi ý về những uy thế, sức mạnh và sự thánh thiện, nên nó được sự sùng bái của hầu hết dân chúng. Người ta đã tạc tượng các con sư tử bằng đá để trấn thủ lăng mộ, đặt trước các dinh thự, đền miếu, nhà ở để xua quỷ trừ tà. Sư tử đá có niên đại cổ nhất được tìm thấy ở ngôi mộ Cao Ngõa Nhã An ở Tứ Xuyên (Trung Quốc), sư tử đá đặt trước mộ nhà Lương ở huyện Cú Dung, Giang Tô có hơn 1.400 năm tuổi...³ Hiện nay ở nước ta, trong các ngôi miếu, hội quán, đình, chùa của người Hoa, tượng hai con sư tử (một đực, một cái) cũng được đặt hai bên cổng ra vào. Ngoài yếu tố nghệ thuật, nó còn thể hiện nhân sinh quan phong phú và đa dạng của cộng đồng người Hoa về âm dương, sự nảy sinh và phát triển, ý thức cứu mang đùm bọc, tương trợ lẫn nhau, ngoài ra nó còn là vị thần giữ cửa rất linh thiêng, ngăn chặn không cho ma quỷ lộng hành.

Về sau, thần Cửa được thay thế bằng hình ảnh của con người, bởi dân gian tin rằng các nhân thần là những vị thần đáng tin cậy hơn. Tương truyền vào thời Tây Hán, có vị vương phủ nọ bị ốm đau, ông sai người vẽ nên bức họa một vị dũng sĩ gọi là Thành Khánh, treo lên cánh cửa điện để xua đuổi tà ma mong mình mau bình phục. Sau này, dân gian thờ hai vị tướng là Thần Đồ và Uất Lũy - đây được xem là Môn thần đầu tiên. Lai lịch của hai vị thần này, rất nhiều sách cổ đã nói qua, có từ lâu đời và lưu truyền cho đến ngày nay.

Theo truyền thuyết xa xưa, Hoàng đế không những chỉ quản lý nhân gian, mà còn thống trị cả quỷ giới. Đối với những linh hồn phiêu bạt nơi nhân gian, Hoàng đế phái hai viên thần tướng thống lĩnh, tức Thần Đồ và Uất Lũy. Hai vị thần này sống trên núi Đào Đô ở Đông Hải, trên núi có một cây Đào đại thụ, cành lá rậm rạp tỏa kín 3 trượng xung quanh... Hai vị sẽ giám sát các loại quỷ thần hồn phách, và nếu phát hiện chúng làm hại con người, thì sẽ dùng lau côi trói chặt, ném vào sau núi cho Hổ ăn. Do đó, Thần Đồ và Uất Lũy là hai vị thần tướng khiến cho ma quỷ sợ hãi nhất, và cũng có

thể nói rằng, hai vị chính là Môn thần đầu tiên trong tín ngưỡng thờ Môn thần của người Trung Quốc.⁴

Ngoài Thần Đồ, Uất Lũy, thì Kim Kê (Gà) và Hổ cũng là hai con vật được dân gian vẽ lên trước cửa. Bởi dân gian cho rằng, Gà là linh hồn của buổi sáng sớm, là nỗi sợ hãi của các loại ma quỷ quen sống về đêm. Vì thế “dán tranh vẽ gà lên trên cửa” để làm cho “trăm loại ma quỷ đều sợ hãi nó”. Còn về Hổ, bởi nó là vua của các loại thú, “có thể vồ, cắn xé, nuốt chửng và ăn thịt ma quỷ”, cho nên “tranh vẽ Hổ ở ngoài cửa, ma quỷ không dám vào” Đây kỳ thực, cũng là một dạng môn thần⁵... Những vị thần hiện nay thay thế họ là Tàn Thúc Bảo và Uất Trì Kính Đức.

2. Tín ngưỡng thờ Môn thần của người Hoa ở Hội An

Như trên chúng tôi đã đề cập, trong tín ngưỡng dân gian của người Hoa, Môn thần là vị thần có khả năng ngăn chặn, đe dọa và khống chế các oan hồn, ma quỷ rất kỳ diệu; vị thần này có nhiệm vụ ngăn chặn không cho tà ma xâm nhập vào gia cư, gây tai họa cho con người như ốm đau, chết chóc, việc làm ăn bị thất bại,... Cho nên từ xa xưa, trong tín ngưỡng dân gian của họ, thần Cửa chiếm một vị trí rất quan trọng. Các vị thần này được thể hiện dưới nhiều hình thức thờ tự khác nhau, đôi khi chỉ là bức tranh, bức tượng, hình mặt hổ phù ngậm chiếc vòng thiếc, hình nhân bằng gỗ đào, chiếc gương soi hình tròn, hình bát giác ở trên đó vẽ hình bát quái hoặc chỉ một vài câu bùa chú gắn trên các cánh cửa ra vào. Qua điều tra khảo sát của chúng tôi, ở Hội An, tín ngưỡng thờ Môn thần được thể hiện khá rõ qua hình thức thờ hai vị thần là Tàn Thúc Bảo và Uất Trì Kính Đức tại các di tích tín ngưỡng tôn giáo và kiến trúc dân dụng của người Hoa. Có khi hai vị này được vẽ trên cánh cửa ra vào của Hội quán, hoặc dưới hình thức trang trí Mặt cửa trên các ngôi nhà.

*** Hình vẽ trên cánh cửa ra vào Hội quán:**

Ở Hội An, hình vẽ của hai vị thần Tàn Thúc Bảo và Uất Trì Kính Đức được vẽ trên hai cánh cửa ra vào Hội quán Triều Châu và Hội quán Quảng Triệu.

Hội quán Triều Châu tọa lạc tại số 157 đường Nguyễn Duy Hiệu, được người Hoa bang Triều Châu xây dựng vào năm 1845 làm nơi sinh hoạt cộng đồng và tín ngưỡng riêng của người Triều Châu ở Hội An. Hội quán thờ Phục Ba Tướng Quân là vị thần chế ngự sóng gió, nhằm cầu mong việc đi lại buôn bán trên biển được thuận buồm, xuôi gió. Hội quán là một công trình kiến trúc với bộ khung gỗ chạm trổ tinh xảo, cùng những họa tiết, trang trí bằng gỗ theo các truyền thuyết dân gian và những tác phẩm đắp nổi bằng sành sứ tuyệt đẹp. Còn Hội quán Quảng Triệu tọa lạc tại số 176 đường Trần Phú, do người Hoa bang Quảng Đông xây dựng năm 1885, thoát đầu để thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và Đức Khổng Tử, sau năm 1911 chuyển sang thờ Quan Công và Tiền Hiền.

Tại hai hội quán này, hình ảnh Tàn Thúc Bảo râu hùm, khuôn mặt màu đen, còn Uất Trì Kính Đức khuôn mặt màu trắng, mặc nhung phục võ tướng, tay cầm binh khí đứng gác rất đường bệ, được vẽ bằng sơn màu rất đẹp. Về lai lịch của hai vị thần này, các học giả Trung Quốc⁶ cho biết, được ghi chép trong các mục “Tam giáo sưu thần đại toàn”, “Sưu thần ký” và “Sử đại thần tiên thông giám” trong sách *Chính thống đạo tàng*, vốn là hai vị tướng quân đời Đường. Từ khoảng đời Nguyên về sau, mới được sùng bái, cúng tế như các Môn thần.

Tương truyền, sức khỏe của vua Đường Thái Tông không tốt, vào ban đêm thường nghe trước cửa tẩm cung có tiếng ma quỷ kêu khóc, tam cung lục viện đêm ngày không yên. Nên Đường Thái Tông đem sự việc này nói với các đại thần, Tàn Thúc Bảo bèn tâu: “Thần bình sinh giết người như trở bàn tay, thi thể nhiều như kiến, còn sợ gì bọn quỷ nhãi nhép ấy. Nguyện sẽ cùng Kính Đức mặc nhung trang đứng hầu”. Đường Thái Tông bèn chuẩn tấu, trong đêm cho hai người đứng giữ hai bên cửa cung, quả nhiên cả đêm bình an vô sự. Thái Tông vui mừng ban thưởng cho hai người, nhưng cảm thấy để hai người giữ cửa cung cả đêm quá vất vả bèn ra lệnh vẽ hình của hai vị tướng quân, với hình dáng giận dữ, tay cầm rìu, lưng mang roi và cung tên, dán vào hai bên cửa cung. Từ đó, trong cung được bình an vô sự. Cho tới đời Nguyên, dân gian

mới quen dần với cách làm này, và phong hai vị làm thần. Cũng theo các học giả Trung Quốc⁷, trước đây, đã từng có ghi chép như vậy nhưng chưa nói rõ về hai vị này. Chỉ đến sau thời Minh, Thanh, những ghi chép này mới viết rõ đó là hai vị Tàn Quỳnh (Tàn Thúc Bảo) và Uất Trì Cung (Uất Trì Kính Đức). Như tác giả Cố Lộc, đời Thanh, trong sách *Thanh gia lục. Môn thần* ghi rõ: “*Môn thần trong đêm. Thời cổ có thói quen vẽ hình ảnh của Tàn Thúc Bảo và Uất Trì Kính Đức, in vào giấy và dán ở nhà các hộ bá tánh*”. Ngoài ra, căn cứ vào ghi chép của các học giả thời nay là Trương Chấn Hoa, Thường Hoa trong sách *Trung Quốc tuế thời tiết lệnh lễ tục* ghi rõ: “*Tục lệ dán môn thần có lịch sử lâu đời, và ở mỗi địa phương đều có những thói quen khác nhau, thời gian khác nhau thì cách dán cũng khác nhau. Ở Bắc Kinh thường dùng ông mặt trắng Tàn Thúc Bảo và ông mặt đen Uất Trì Kính Đức, để cầu mong trong năm được an toàn may mắn, bội thu*”. Điều này cho thấy hai vị kể từ sau khi được phong làm Môn thần, đến nay vẫn được dân gian tín ngưỡng, cúng tế.

*** *Mắt cửa - Hình thức thờ Môn thần***

Trên các cánh cửa ra vào những ngôi nhà cổ, hội quán, đền miếu, nhà thờ tộc, đình, chùa tại khu phố cổ Hội An, chúng ta thấy có gắn hai khoanh gỗ hình tròn, hình lục giác, hình bát giác... được chạm khắc khá công phu và đôi khi được sơn son thếp vàng, mà cư dân địa phương quen gọi là “Mắt cửa”. Mắt cửa là một dạng trang trí khá đặc sắc cho ngôi nhà, nó thực chất là núm khóa chốt cửa, có hình dáng chiếc đinh, phần tán ở đầu dày 10cm, đường kính khoảng 20cm, và phần chốt đục liền với tán tiết diện hình chữ nhật dài khoảng 30cm, có chức năng liên kết “đổ cửa” và “khung cửa” giữ không cho cánh cửa rời ra.

Qua khảo sát tại khu phố cổ Hội An, bước đầu chúng tôi tìm thấy có trên 20 kiểu mắt cửa khác nhau. Phần lớn các mắt cửa có dạng hình tròn, hình lục giác, hình bát giác, hoặc cắt khắc thành 6 hoặc 8 đầu cánh hoa cúc; một số ít mắt cửa có dạng hình vuông như mắt cửa ở nếp nhà thứ ba nối với nhà cầu và sân trời của nhà số 67 Trần Phú; hình nửa khối cầu dẹt ở nhà số 77 Trần Phú... Tán

mắt cửa thường được chia thành hai phần: phần tâm và phần vành bao quanh mắt cửa. Phần tâm của mắt cửa đa số thường trang trí hình lưỡng nghi được sơn hai màu đen trắng - biểu tượng của âm dương, hình nhụy hoa, hình chữ triện, chữ Phúc, chữ Thọ, ... Còn phần vành bao quanh bên ngoài tâm, tạo dáng hoa cúc 6 hoặc 8 cánh mà cánh của nó xoáy hình lá đề (nhà số 101 Nguyễn Thái Học, nhà số 80 Trần Phú...), hình bát quái, hình hồi văn, hình giao long, hình bốn hoặc năm con dơi bao quanh chữ Phúc, có mắt cửa chỉ có một chữ Thọ, hoặc tạo một gờ chỉ nổi phía bên ngoài vây lấy tâm... Một số mắt cửa hình vuông thì phần vành của nó không được trang trí. Ngoài ra ở một số đền miếu, hội quán, mắt cửa có trang trí khác: như mắt cửa ở Miếu Quan Công (số 24 Trần Phú) có dạng hình tròn, phần tán được chạm nổi mặt con lân miệng đang há to, mắt trắng, mi xanh, mũi đỏ, râu bạc trông rất dữ tợn; mắt cửa ở hậu cung Hội quán Phúc Kiến sơn son thếp vàng mà phía trên chạm đôi rồng châu mặt trời, phía dưới là đôi giao long châu mặt trăng, ở chính giữa là vòng tròn âm dương; còn ở Chùa Cầu mắt cửa cũng sơn son thếp vàng, trên tán mắt cửa người ta chạm nổi hình bốn hoa cúc dây bao bọc xung quanh, xoáy lưỡng nghi nằm ở chính giữa, ...

Viết về đôi “Mắt cửa” một số nhà nghiên cứu cho rằng: *“Người Hội An quan niệm con người và con vật đều có mắt để nhìn đời và nhìn lòng mình, thì đồ vật gắn với con người cũng phải có mắt. Cái thuyền là nhà nổi trên sông phải được vẽ mắt trước khi hạ thủy, cái nhà trên đất cũng phải có mắt để tránh cho chủ nhà những tai nạn”*.⁸

Như Phạm Hoàng Hải trong cuốn *Người bạn đường du lịch văn hóa Hội An* có viết: *“Người Hội An quan niệm con người, con vật đều có mắt để nhìn đời và nhìn vào lòng mình thì các đồ vật gắn với vận mạng con người cũng phải có mắt. Các thuyền ghe ở Hội An cũng được vẽ vào hai bên mũi thuyền hai con mắt rất to và rõ để nhìn thấy mọi tai ương trên biển khơi. Cái nhà, nơi con người sống cả đời trong đó cũng phải có đôi mắt để bảo vệ mình và cũng mở cửa tâm hồn mình với xã hội”*.⁹

Qua hai ý kiến trên, các tác giả đều cùng một quan điểm cho rằng: “Người Hội An quan niệm con người và con vật đều có mắt để nhìn đời và nhìn vào lòng mình, thì đồ vật gắn với con người cũng phải có mắt”. Tuy nhiên, chúng ta thấy nhiều đồ vật khác, cũng gắn chặt với cuộc đời của mỗi con người ở Hội An sao không có mắt?

Hai tác giả còn đưa ra ý kiến về chiếc ghe ở Hội An cũng được vẽ mắt. Điều này hẳn ai cũng biết, không chỉ riêng Hội An mà tại nhiều địa phương trên đất nước ta và các quốc gia trên thế giới, ghe thuyền cũng thường được vẽ mắt. Ở Ai Cập vào khoảng 2.700 năm trước công nguyên, trên những chiếc thuyền lớn, cư dân cổ Ai Cập đã vẽ một con mắt của thần Osiris; Ở Hy Lạp và Ý vào khoảng 450 - 100 năm trước công nguyên, trên các mũi thuyền đều sơn những con mắt; Ở vùng Bali của đất nước Indonesia, trên những chiếc thuyền độc mộc người ta vẽ đầu con quái vật biển Makara; Còn ở Việt Nam, mỗi địa phương đều có những cách vẽ mắt trên các mũi thuyền rất khác nhau. Từ xưa dân gian quan niệm xem chiếc thuyền cũng như một sinh vật, mỗi khi đi trên kênh rạch, ao hồ, sông, biển thường gặp những con quái vật gây hại đối với con người, nên họ vẽ mắt ở hai bên mũi thuyền để các loài thủy quái không dám làm hại. Ngoài ra, ghe thuyền có mắt để dẫn con người đến những ngư trường có nhiều tôm cá.

Đối với nhà cửa, nơi con người sống cả cuộc đời cũng phải có “đôi mắt” thì vẫn còn nhiều vấn đề chưa thật sự thuyết phục. Ở khu phố cổ Hội An, mắt cửa chỉ tập trung trong những di tích kiến trúc dân dụng và kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng của người Hoa, nhưng rất hiếm thấy trên những ngôi nhà, đình, chùa của người Việt. Trong khi đó, làng mộc Kim Bồng (nay là xã Cẩm Kim - Hội An) - nơi sản sinh ra những nghệ nhân góp phần hình thành nên quần thể kiến trúc khu phố cổ Hội An, thì trong những ngôi nhà của họ lại không chạm khắc trang trí mắt cửa. Còn trong nhiều ngôi nhà của người dân tộc Bạch, cách trung tâm thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc khoảng 40km có trang trí nhiều mắt cửa, tuy kiểu thức chạm khắc trang trí không phong phú như ở Hội An, nhưng theo họ, đây là hình thức tín ngưỡng thờ thần Cửa của

mình. Do đó, theo chúng tôi, “Mắt cửa” là một trong những hình thức thờ “Môn thần” trong tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở khu phố cổ Hội An?

3. Thay lời kết

Tín ngưỡng thờ Môn thần là một trong những tín ngưỡng cổ xưa nhất, đồng thời, cũng được xem là một trong những hiện tượng văn hóa đặc sắc của văn minh Trung Hoa. Từ ảnh hưởng của tín ngưỡng này, trong dân gian đã dần dần hình thành nên nhiều tín ngưỡng khác, trong đó, có tín ngưỡng thờ thần Tài.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, các giai đoạn phát triển khác nhau của con người mà vai trò, chức năng và hình ảnh của Môn thần cũng vì thế thay đổi. Và điều này, đã được minh chứng rõ ràng nhất qua các hình thức thờ Môn thần của người Hoa ở Hội An.

Mặc dù ngày nay, trong các công trình kiến trúc của người Hoa ở Hội An, Môn thần ít được cúng bái, hằng đêm người ta chỉ cần cắm hai bên cánh cửa một cây nhang là đã thể hiện lòng tôn kính của gia chủ đối với các thần. (Còn ở khu vực Nam bộ, và một số tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong một số gia đình người Hoa họ có tục cúng Môn thần vào ngày mùng 2 và 16 âm lịch. Nhân ngày cúng Môn thần, người Hoa Quảng Đông chuẩn bị một mâm lễ vật luân chuyển cúng từ bàn thờ này sang bàn thờ khác, còn các nhóm người Hoa khác thì mỗi bàn thờ có một mâm lễ vật riêng). Song điều đó, vẫn không làm mất đi nét đẹp văn hóa truyền thống nơi cố hương (Trung Quốc), mà còn góp phần làm phong phú thêm văn hóa cho vùng đất mới - Hội An.

Chú thích:

¹ Kim Khai Thành (chủ biên), *Táo thần, Môn thần, Tài thần*, Nxb Văn sử Cát Lâm, 2009, tr.23.

² Vương Kiến Huy, Dịch Học Kim (chủ biên). *Tinh hoa tri thức văn hóa Trung Quốc*. Nxb Thế Giới, 2004, tr.529.

³ Vương Kiến Huy, Dịch Học Kim (chủ biên). sđd, tr.846.

⁴ Trần Thái Tiên. *Nguồn gốc các vị thần*. Nxb Hoa kiều Trung Quốc, Bắc Kinh, 2011, tr.13.

⁵ Kim Khai Thành (chủ biên). sđd, tr.79-82.

⁶ Kim Khai Thành (chủ biên). sđd, tr.85.

⁷ Kim Khai Thành (chủ biên), sđd, tr.86-88.

⁸ Chu Quang Trứ. *Hội An nơi hội tụ các yếu tố nghệ thuật*. T/c VHNT số 8(170), 1998, tr.50.

⁹ Phạm Hoàng Hải. *Người bạn đường du lịch văn hóa Hội An*. Nxb Thế Giới Hà Nội, 2001, tr.39.

CỬ SỰ

GIA TỘC

Gia tộc là tổ chức một họ, họ hàng. Thường, họ hàng quây quần nhau sống trong một xóm. Một gia tộc tại Quảng Nam ít có trường hợp sống riêng lẻ mà tập trung trong một làng, cộng hưởng nhau. Từ đó thắt chặt thêm tình họ hàng.

Trong một làng có nhiều gia tộc sinh sống, họ chung tay nhau xây dựng làng ngày càng phát triển. Chính đó, cho thấy từ thời Lê đến nay làng bộ trên đất Quảng phát triển không ngừng, ngày càng có quy cũ. Từ đó tạo ra các hương ước, khoán ước, các lệ của làng nhằm ổn định, giữ vững các định chế đối với cuộc sống tinh thần và làm giàu thêm đời sống vật chất. Việc tạo ra các thiết chế văn hoá hay các bản khoán ước cũng là tập tục, là thói quen

của một địa phương trong cách ứng xử theo hương ước. Nhờ đó, nề nếp trong làng được giữ vững. Gia tộc do đó có ảnh hưởng từ nề nếp làng. Tộc họ trong làng thường thiết lập hội đồng gia tộc, tức một tổ chức của một tộc, hội đồng quy định chặt chẽ những việc nên làm, những điều nên tránh, phân công công việc gia tộc theo thứ bậc trong họ hàng. Gọi chung là *Quy ước của Hội đồng gia tộc*. Quy ước được viết thành văn, mỗi phái, chi giữ một bản để thực hiện và lưu giữ chuyện của tộc. Mỗi hội đồng gia tộc có tộc trưởng và những người giúp việc trong những lúc tộc họ có việc như việc tang, việc cưới hoặc lễ tảo mộ hàng năm của gia tộc. Theo đó, con cháu trong gia tộc đều tuân thủ thực hiện, tạo nên nề nếp trên thuận dưới hoà, kính trên nhường dưới. Đạo đức của gia tộc theo đó được răn dạy đến từng cá nhân trong họ hàng, tạo điều kiện cho các thành viên trong gia tộc chăm lo đèn sách, canh cửi chuyên cần, xây dựng cuộc sống có nề nếp gia phong tốt đẹp.

Xưa kia làng Phong Lệ có nhiều chư phái tộc, họ sống đoàn kết nhau trong làng, có lũy tre bao bọc. Hàng năm đến kỳ tế tự tiền hiền trong bài văn tế đọc tại nhà thờ làng có ghi đủ 13 chư phái tộc: *Tứ Lê, ngũ Ngô tịnh Phùng, Ông, Nguyễn, Võ*. Về sau có thêm các gia tộc khác đến định cư tại làng lại ghi thêm vào trong văn tế: *Trần nhị, Phan Bùi*. Từ đó làng lại cử ra Hội đồng chư phái tộc do các thành viên của 17 chư phái tộc mà thành. Hội đồng chư phái tộc lo việc tế tự của làng, hàng năm có các lễ hội kỳ yên, kỳ phước, lễ hội rước mục đồng, lễ hội đấu vật, lễ hội rước hén...đều do Hội đồng chư phái tộc cất cử người lo liệu.

Hoặc Hải Châu ngũ xã có 16 chư phái tộc tập trung thờ tự tại Hải Châu đình. Đến ngày xuân kỳ thu tế, Hội đồng chư phái tộc vận động các gia tộc tham gia vật chất

và tinh thần cho ngày hội ky. Tại huyện Điện Bàn, làng La Qua xưa nay có nhiều gia tộc cùng nhau sinh sống, chung tay xây dựng nên làng La Qua phát triển cả về vật chất lẫn tinh thần. Hay như các làng Đông Bàn, Giáng La, Lệ Sơn, Phiếm Ái, Tuý Loan, Quảng Huế, Lai Nghi, Bích Trâm, Chiêm Sơn, Mạc Xuyên, Cẩm Lệ, Lỗ Gián Thạc Gián, Hoá Khuê...¹ mỗi làng đều có nhiều gia tộc cùng sinh sống và phát triển. Do mỗi làng có khoán ước riêng như làng Phước Sơn Ngũ xã (Hoà Vang) nên phong tục mỗi làng có những thành tố riêng. Đó là lệ riêng của mỗi làng. Chính điều này tạo nên nền nếp cho làng và thành ngữ “Phép vua thua lệ làng” là những trường hợp như thế. Hương ước, khoán ước vẫn còn lưu giữ khá rõ nét trong tâm thức của người dân, cũng như được lưu giữ một cách cẩn thận trong các đình làng cổ. Tại Hoà Vang, một số hương ước, khoán ước (thời Thiệu Trị tại làng Quan Nam – xã Hoà Liên), làng Hoà An (phường Hoà An hiện nay)... Những hương ước, khoán ước tại đây đều có chung một điểm là: “cấm say sưa bợm bãi”, “cấm chặt trộm cây gỗ trong những nơi thờ thần thiêng liêng”, “cấm chặt trộm tre và cắt trộm măng”, bài trừ hủ tục, khuyên mọi nhà “chăm nghề nghiệp”, “giữ nghề nông”, “chấn chỉnh nghề thợ, nghề buôn”, nghiêm cấm việc lấn chiếm ruộng đất công, phạt nặng những trường hợp làm sạt lở đê điều, làm tắc nghẽn sông ngòi, ao hồ... Vì thế, nên sẽ không lạ nếu thấy giữa làng Quan Nam xưa hiện vẫn còn một mảng rừng với cây cối sum sê xanh tốt được nhân dân nơi đây hết lòng gìn giữ; hay các cụ cao niên làng Hoà An vẫn thuộc nằm lòng qui định cấm nạn ăn uống trong các đám tang². Bản khoán ước tại làng Phước Sơn, xã Hoà Nhơn (Hoà Vang) ra đời

¹ Đến năm 1553 theo Ô Châu cận lục của Dương Văn An, phủ Điện Bàn có 66 làng.

² Phần phụ bản của Khoán ước làng Hoà An có bài nhắc nhở người dân thực hiện khoán ước có câu: “Người chết nằm đó than khóc thảm thương, nước mắt đầm đìa. Thân tình chi, hiếu thảo chi? nhìn như nhai thịt mỡ đùi gà, bung bát rượu khè khè chè chén... Ôi thôi! đừng giữ thói tệ lậu thời nào, nghe hôi tanh rú đến như ruồi!”...

năm Gia Long thứ 7 (1808) – có lẽ là khoán ước cổ nhất và đầy đủ nhất cho tới lúc này được tìm thấy tại Đà Nẵng. Khoán ước này gồm 10 điều, nêu rõ trách nhiệm của dân làng trong việc gìn giữ lễ nghi, phép tắc, thuần phong mỹ tục của làng đồng thời chỉ rõ “những điều không được làm” như các hương ước, khoán ước thường thấy. 10 quy định về việc cúng tế ở đình làng, về mừng thọ lên lão, về cưới hỏi lấy vợ, lấy chồng của trai gái trong làng, về sự tương thân tương ái, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn, về khuyên răn làm những điều tốt, không trộm cắp, không phá của cải, tài sản chung của làng... Mở đầu bản khoán ước có ghi: *“Chúng tôi là những viên chức lớn nhỏ trong xã, thuộc xã Phước Sơn, tổng Phước Tường thượng, huyện Hoà Vang, phủ Điện Bàn. Nay lập đồng ượng định cử ông cựu cai tên Đàm lên làm chức trùm cả để chăm sóc các việc trong đình, chùa, sắp đặt lễ cúng và cứ theo khoán lệ khu xử những việc đúng sai trong xã, giữ gìn bờ cõi thuộc đại phận của xã. Từ nay những nam, phụ, lão ấu trong xã và những người ngụ cư, nhóm họp tại đình, tưởng niệm các bậc tiền hiền đều phải giữ đúng phép tắc hợp với thuần phong, trên thuận dưới hoà, để giữ lấy danh dự với các làng lân cận. Từ nay về sau con cháu trong làng đều phải tuân theo những điều mà trước đã vạch sẵn”*. Và, bản khoán ước cũng chỉ rõ việc xử phạt khi các thành viên trong làng không chấp hành như: *“Những viên chức nào trong xã không dựa theo lệ khoán của các bậc tiền hiền và làm trái lại những điều đã định ước trong tờ ượng định này lại có những lời phán ngôn ngang bướng thì phải chịu phạt vạ một heo và cả trâu rượu dùng đủ, để làm sáng rõ nghi tắc của các bậc tiền hiền, để nêu gương cho những lớp trẻ sau này, ngõ hầu giữ được sự phát triển của làng”*.

Ngay từ lời mở đầu bản khoán ước đã ghi rõ trách nhiệm của con cháu – các thành viên trong làng phải biết gìn giữ lễ nghi, phép tắc thuần phong mỹ tục của làng mà các bậc tiền hiền khi đến khai canh, khai cư lập làng đã đề ra và một khi ai đó không chấp hành, không thực hiện đúng thì sẽ phải chịu phạt trước dân làng. Trong 10 điều khoán ước có những điều ghi về tinh thần tương thân, tương ái như: “*Dựa theo khoán lệ của tiền nhân thì trên đời này có kẻ giàu, người nghèo không giống nhau, nên phải giúp nhau mới phải*”, hay: “*Dựa theo lệ định của tiền nhân, trong làng có người quá cố mà con cháu trong nhà muốn tỏ lòng hiếu thảo, hoặc có lễ tạ khi tống táng xong, việc ấy tùy theo khả năng của gia chủ, bất luận ít nhiều. Khi có đám tang gia chủ phải trình xã trưởng để cắt người trợ táng hoặc trợ tế*”. Bản khoán cũng nói về việc gìn giữ, cấm phá tài sản chung của làng như: “*Dựa theo phép tắc của quan trên, măng tre mới nhú lên cần phải được bảo vệ, để dùng vào những việc có ích sau này. Điều này đã có giấy tờ cấm ngặt từ trước, nghĩa là cấm không được cắt măng tre. Nếu ai còn phạm vào điều cấm ấy, cắt trộm măng tre khi bị bắt phải nộp lệ khoán một quan, một tiền và thu thêm 5 tiền để thưởng cho người bắt được*”.³ Chính đó, đã tạo nên ý thức trong nhân dân không xén măng tre của nhau, nếu xén trộm thường bị người khác khinh rẻ, bản thân người xén măng cảm thấy làm một việc phương hại đến mầm sống, huỷ hoại một nguồn sinh lực đang lớn

³ Tuy nhiên, bản khoán ước cũng có mặt hạn chế như “*Người con gái phải đúng 14 tuổi trở lên mới được gả chồng*” và phải “*giữ đúng 6 lễ từ vấn danh đến lễ cưới*”, tuổi lấy chồng của người con gái quy định như vậy còn quá sớm. Hiện nay, theo Luật Hôn nhân và Gia đình của chúng ta là nữ phải đủ 18 tuổi trở lên thì mới lập gia đình.

dần lên, cũng có thể hối hận. Trong dân gian xem đó là mang tội, làm như thế là mang ác.



Trần Đình Sanh

Về sự kế thừa trong văn hóa nghệ thuật

Trần Đình Sanh

Sự kế thừa được trình bày sau đây, xin được làm bàn về hình thức *nghệ thuật cổ truyền mang tính dân gian cùng tồn tại đồng hành với văn hóa nghệ thuật đương đại*.

Có thể khẳng định rằng trong hợp quần nhân loại dù một tộc người được cho là có số lượng ít nhân khẩu, dù với trình độ thế nào cũng đều sáng tạo ra hình thức nghệ thuật mang đặc trưng riêng có của họ - cái mà ngày nay các nhà nghiên cứu gọi là bản sắc văn hóa dân tộc. Chiếc đàn bầu của người Kinh, đàn Tơ-rưng của các dân tộc lâu đời ở Tây Nguyên,... và ngay cả những công cụ nhạc khí nghệ thuật mới nhìn tưởng chừng không phân biệt được, nhưng thực ra khi thể hiện nghệ thuật thì mỗi nhạc cụ đều có đặc trưng riêng của nó, như trống của dân tộc Kinh sử dụng trong các dịp lễ hội khác với trống của dân tộc Chăm. Cũng vậy, chiêng và cồng của các dân tộc Tây Nguyên rất khác chiêng và cồng của dân tộc Mường. Các mẫu hình thổ cẩm của các dân tộc Tây Nguyên rất khác với mẫu hình thổ cẩm của đồng bào Thái, đồng bào Dao vùng Tây Bắc,...

Các hình thức nghệ thuật như tuồng, chèo, cải lương, hát ví, hát dặm, hát ru, hát hội,... vẫn là ngọn lửa sưởi ấm tâm hồn con người. Kế thừa các loại hình, loại thể này để xây dựng nền văn hóa nghệ thuật dân tộc hiện đại là vấn đề phức tạp và rất khó khăn. Ví như trong lĩnh vực sân khấu chèo chẳng hạn. Theo Trần Việt Ngữ: “Khi nhà hát chèo Trung ương kiên trì thí nghiệm hát *Trung Trắc* (đề tài lịch sử), *Xơ Kumtola* (truyện cổ Ấn Độ) đến *Cô gái và anh đô vật* (đề tài đương đại) mà vẫn chưa lôi kéo khán giả đông đảo thì đoàn chèo Hà Nội cũng thử thách hát *Bên dòng Như Nguyệt* (đề tài lịch sử) đến *Hương đồng gió nội* (đề tài đương đại) mà khách xem vẫn chưa tỏ ý mặn mà. Đoàn chèo Hà Sơn Bình hết sức nóng lòng khi thấy số người xem ngày càng sút kém, qua các vở dàn dựng nghiêm túc, khai thác đề tài mới: *Sau tường thành*, *Tiếng hát bên non Tân*,...” [4] Trong lĩnh vực sáng tạo, kế thừa giá trị nghệ thuật truyền thống của tuồng cũng rất công phu, phức tạp. Ý kiến sau đây một phần chỉ ra sự phức tạp công phu đó: “Chúng ta đều hiểu nghệ thuật đồng nghĩa với sáng tạo, nếu không sáng tạo thì dậm chân tại chỗ. Người xem mới đòi hỏi sân khấu tuồng phải có những hình thức mới về mặt tạo hình, về màu sắc, về tiết tấu, về cách xử lý không gian và thời gian trên sân khấu. Nhưng cái mới ở đây phải trên cơ sở cái truyền thống, phải là tuồng chứ không phải là kịch, là chèo,... tức là không gieo vừng ra ngô” [5].

Điều đó cũng khó khăn tương tự như đối với việc kế thừa các hình thức nghệ thuật khác, trong các loại hình khác như kiến trúc, hội họa, điêu khắc, âm nhạc, văn chương,... Nhưng đó là một thử thách phải vượt qua vì không kế thừa và phát triển các hình thức nghệ thuật độc đáo này chúng ta không

⁴ *Tìm về bản chất của văn hóa*, T/c Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật. HN, 1993. Tr 444.

⁵ Tlđđ. Tr 461.

thể xây dựng được một nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam đa dạng và đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong nghiên cứu vấn đề kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng và phát triển văn hóa nghệ thuật dân tộc không thể không đề cập đến những giá trị nghệ thuật gắn liền với tôn giáo và lễ hội.

Đối với những giá trị nghệ thuật gắn liền với tôn giáo, đây là vấn đề khó và phức tạp. Có thể nói lịch sử văn hóa nghệ thuật nhân loại từ xưa đến nay có nhiều liên hệ với tôn giáo. Một mặt, các quan niệm tôn giáo ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sáng tạo nghệ thuật của nghệ sỹ. Mặt khác, nhiều biểu hiện của nghệ thuật cũng đã thâm nhập vào mọi cấp độ ý thức tôn giáo như nghệ thuật biểu diễn sân khấu trong Ki tô giáo, nghệ thuật trang trí trong Phật giáo hay như nghệ thuật tạc tượng trong Ki tô giáo, Phật giáo,...

Về mặt giá trị, vấn đề giá trị của tồn tại nhân loại, khúc xạ vào tôn giáo và nghệ thuật, thông qua ý thức vô tư, tôn giáo và nghệ thuật có những xu hướng rất khác nhau. Mọi tôn giáo đều truyền bá tư tưởng phụng sự vô tư cho thần thánh, khơi gợi mọi sự đồng cảm, sự tham gia với thế giới thần linh. Nghệ thuật cũng hướng tới lòng trắc ẩn, đồng cảm cũng là một cách tham gia của con người vào sự thực tại ấy một cách vô tư. Nhưng ý thức vô tư trong nghệ thuật là nhằm mục đích khẳng định sự thực tại của nhân loại như một thực thể, một thế giới có thật, là kết quả tất yếu của lịch sử tự nhiên. Cho nên, nếu nghệ thuật hướng tới mục đích sự hoàn thiện, hướng tới cái cao cả và hướng tới khám phá bí mật của chính con người, thì tôn giáo hướng tới thần bí hóa chính sự cao cả của con người và thần bí hóa những bí mật ấy quy cái quyền khám phá ấy cho các thần linh.

Như vậy, cả nghệ thuật và tôn giáo cùng đều liên hệ tới con người. Nghệ thuật có xu hướng khám phá bí mật của sự tồn tại trần thế của con người trong tính toàn diện phức tạp

của nó. Lịch sử đã chứng minh, nghệ thuật chân chính không ngừng xây dựng hình tượng con người hoàn thiện một cách cụ thể, lịch sử. Nhờ vậy, nó tác động đến toàn bộ đời sống xã hội, giúp vào việc nhân tính hóa các quan hệ xã hội. Tôn giáo có xu hướng giải thích tính nhân bản của nghệ thuật, nhưng nó quy sự phát sinh, phát triển nhân tính của con người lại đã được phản ánh trong sự giải thích của tôn giáo. Nghệ thuật không ngừng phát triển nội dung và hình thức phản ánh. Còn tôn giáo thì cố khuôn sự phát triển ấy của nghệ thuật sao cho phù hợp được với thế giới quan tôn giáo.

Vì vậy, là nghệ thuật, nghệ thuật trong tôn giáo luôn luôn mang trong mình một cái gì lớn lao hơn ý nghĩa tôn giáo. Chúng phản ánh những mặt cốt yếu của tồn tại một lịch sử, một dân tộc, một đất nước. Những hình tượng nghệ thuật có giá trị cao bao giờ cũng đa nghĩa, đa chức năng, vì chúng phản ánh thế giới một cách toàn diện.

Tác phẩm nghệ thuật còn đem lại cho con người cảm giác hạnh phúc. Nghệ sĩ với tư cách là một tài năng sáng tạo độc đáo đã phát hiện cuộc sống với hình thức cảm xúc thẩm mỹ về sự phong phú của đời sống thực tế, khiến con người khi thưởng thức nghệ thuật tôn giáo đã quay về thế giới thực tại, giúp họ hiểu và cảm thụ sâu sắc hơn về thế giới thực tại. Những tượng Phật vẫn thể hiện khát vọng của nghệ sĩ muốn tái hiện con người và cuộc sống thực. Hình tượng Đức Mẹ vẫn là bài ca về tình mẫu tử. Điều này khiến cho các hình tượng như các vị La Hán, Quan Âm Thị Kính, Thánh Mẫu, Đức Mẹ Maria,... của tôn giáo thâm nhập vào hoạt động của các nghệ sĩ tài năng sẽ tạo nên những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, gần gũi con người, giàu chất nhân sinh và đậm đà tính nhân bản. Bởi vậy, những giá trị nghệ thuật của tôn giáo vẫn luôn khơi dậy trong các thế hệ niềm khát vọng cháy bỏng của chính cuộc sống con người. Dấu ấn của thời đại trong các tác phẩm nghệ thuật tôn giáo sẽ giúp các thế hệ hiểu hơn

cuộc sống của cha ông. Tính nhân loại, tính dân tộc hòa quyện trong những giá trị ấy là một trong những cái vốn, cái tiềm năng để các thế hệ nối tiếp nhau vận dụng và sáng tạo. Huy Cận đã dạt dào xúc động trước các vị La Hán chùa Tây Phương, Nguyễn Tư Nghiêm với những con rồng truyền thống đã làm cho “người xem thấy trong tranh ấy xôn xao âm điệu đình làng, thấy bằng lòng một đám mây như từ nghệ thuật Đông Sơn, Đinh, Lý, Trần, Lê tụ về,... Thấy toát lên từ tác phẩm của ông một sức lay động dân tộc mà không nệ cổ, hiện đại mà không lại căng” [6].

Đối với những giá trị nghệ thuật gắn liền với lễ hội, đây là những giá trị văn hóa tiêu biểu của lễ hội cổ truyền đáp ứng những nhu cầu muôn thưở của con người tất cả các thời đại. *Thứ nhất*, lễ hội bao giờ cũng là một cộng đồng người biểu dương những giá trị văn hóa và sức mạnh của cộng đồng, tạo nên tính cố kết của cộng đồng. Những lễ hội như: Đền Hùng, Kiếp Bạc,... mang tính cố kết cộng đồng cả dân tộc, trở thành truyền thống ăn sâu vào tâm linh con người Việt Nam. *Thứ hai*, tất cả mọi lễ hội đều mang trong nó bản chất hướng về cội nguồn. Đó là cội nguồn tự nhiên mà con người là một bộ phận cội nguồn của dân tộc, của đất nước, của làng bản, của tổ tiên,... Nhu cầu hướng về cội nguồn là nhu cầu vĩnh hằng của con người mọi thời đại. Chính vì vậy, lễ hội mang tính nhân bản sâu sắc. *Thứ ba*, trong lễ hội con người gắn bó với nhau, chan hòa nhau, cho nên lễ hội bao giờ cũng tiềm ẩn tính dân chủ. Đến với lễ hội là tự nguyện, là thành kính, là sự giao cảm với thiên nhiên và văn hóa của cộng đồng.

Cũng có nhiều nhà nghiên cứu nói tới lễ hội cổ truyền như là thời điểm mạnh, là cái mốc giữa sự diệt vong và tái sinh, là cuộc đời thứ hai bên cạnh cuộc sống hiện hữu. Đó là trạng

⁶ *Từ hình tượng con rồng suy nghĩ về sự tiếp nối truyền thống và hiện đại*, Trương Duy Bích, T/c Văn nghệ dân gian, 1/1986.

thái thẳng hoa từ đời sống hiện thực, là đời sống tâm linh bên cạnh đời sống vật chất và tinh thần [7].

Vấn đề cần quan tâm nhất là lễ hội như bảo tàng sống của nền văn hóa văn nghệ dân gian. Các làn điệu dân ca thống nhất giữa ca nhạc và vũ đạo, các công cụ nghệ thuật từ nhạc cụ đến y phục, đến dụng cụ trang hoàng lễ tế,... được huy động và tập hợp thành những hệ thống, thành những bài bản để thực thi kịch bản lễ hội. Bởi vậy, có thể tìm thấy trong lễ hội những giá trị đích thực của văn hóa dân tộc, từ đó để nghiên cứu về văn hóa dân tộc và kế thừa trong sáng tạo.

Quá trình xây dựng nền văn hóa nghệ thuật mới đã và sẽ diễn ra rất phong phú trên nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng không thể không đề cập đến một vấn đề có tính quy luật là kế thừa những giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc để nhằm xây dựng một nền văn hóa nghệ thuật dân tộc tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, từ đó làm cho truyền thống văn hóa dân tộc tiếp tục được nâng cao, phát triển.



Chiêu hồn (và) nhập quan

Sáng tạo ra truyền thống là sự nghiệp của cả cộng đồng, của nhiều thế hệ, nhưng ở thời điểm nào cũng vậy, ở dân tộc nào cũng vậy, trong vấn đề này các anh hùng dân tộc, các danh nhân văn hóa đã để lại những dấu ấn sâu đậm, rõ nét, tạo thành các nấc thang cho các thế hệ tiếp tục sáng tạo, nối tiếp đi lên.

⁷ Xem: *Lễ hội truyền thống trong đời sống hiện đại*, Ngô Đức Thịnh, NXB. VHNT, Hn, 1993. Tr 289.